

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PT GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PT GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108624275

3. Ngày thành lập: 26/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 143B Ngõ 180 Phố Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982913699

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây hàng năm khác	0119
2.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
3.	Trồng cây điều	0123
4.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
5.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
6.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
7.	Sản xuất đường	1072
8.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9.	Xây dựng công trình điện	4221
10.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
11.	Xây dựng công trình thủy	4291
12.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
15.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
16.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
17.	Sản xuất sợi	1311
18.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
19.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
20.	Sản xuất giày, dép	1520
21.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
22.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

23.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
24.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023(Chính)
25.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
26.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4511
27.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
28.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
29.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
30.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
31.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
32.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
33.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4784
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
36.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
37.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
38.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
41.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
45.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
46.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
47.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện	8720

48.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
50.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
51.	Trồng cây ăn quả	0121
52.	Trồng cây chè	0127
53.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
54.	Trồng cây lâu năm khác	0129
55.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
56.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
57.	Sản xuất nhạc cụ	3220
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
61.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4530
62.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4541
63.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4543
64.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết; - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
65.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
66.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
67.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
68.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
69.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
70.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
71.	Cơ sở lưu trú khác	5590
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Cho thuê xe có động cơ	7710

75.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
76.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
77.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
78.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
79.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
80.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4512
81.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4513
82.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
83.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
84.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
85.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
86.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
87.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
88.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động bán đấu giá)	4789
89.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
90.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
91.	Bốc xếp hàng hóa	5224
92.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
93.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
94.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
95.	Đại lý du lịch	7911
96.	Điều hành tua du lịch	7912

6. Vốn điều lệ: 21.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ NGỌC QUÂN	Thôn Trình Nhĩ, Xã An Ninh, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	151394829	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		
2	NGUYỄN NGỌC LINH	Thôn Đông Tảo Đông, Xã Đông Tảo, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	033083000389	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		
3	HÀ THỊ DUNG	Thôn Ngọc, Xã Lạc Đạo, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	145777185	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		
4	NGÔ THỊ DUYÊN	Tập thể Công ty Cung ứng vật tư vận tải, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	013536379	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		
5	BÙI THỊ THANH MAI	Số nhà 277, Tổ 14, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	011723849	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		
6	PHẠM TUYẾT MAI	Tổ 30, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	01184012973	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		
7	NGUYỄN THỊ ANH THƯƠNG	Xóm 9, Xã Văn Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	14,286	186788384	
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	14,286		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 033083000389

Ngày cấp: 10/04/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đông Tảo Đông, Xã Đông Tảo, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đông Tảo Đông, Xã Đông Tảo, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội